| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÒA VANG**<br>**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Bản án số:24 /2018/HS-ST*
*Ngày 10-7-2018*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo**.**
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gạt.
2. Ông Nguyễn Đình Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 29/6/2018 đối với các bị cáo:

**Phạm Văn Q**; sinh ngày: 19/5/1991 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không: Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm S, sinh năm 1955 và bà Lê Thị T, sinh năm 1955; gia đình có 05 anh em bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Lê Thanh B**; sinh ngày: 10/5/1977 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Làm nông. trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không: Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T, sinh năm 1946 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1956; Vợ Nguyễn Thị T; sinh năm 1986; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Huỳnh Nguyễn Hoài L**; sinh ngày: 08/10/1993 tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Làm nông. trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Tấn H; sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1968;

Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Nguyên đơn dân sự:** Công ty cổ phần T. Địa chỉ: Tổ 61 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Chánh T – Giám đốc Công ty cổ phần T. Ông Bùi Chánh T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1990. Địa chỉ: phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng, ông P có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Ông Nguyễn Triệu V, sinh năm: 1987. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Bùi Tiến C, sinh năm: 1977. Trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phạm T, sinh năm: 1985. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phạm T, sinh năm: 1983. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2017 sau nhiều lần đi thả lưới bắt cá tại khu Công nghệ cao Đà Nẵng (Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) thấy sắt của Công ty **T** để ngoài công trình nhưng do trời mưa không có người trông giữ nên Phạm Văn Q và Lê Thanh B rủ nhau trộm cắp sắt này để kiếm tiền tiêu xài. Cả hai đã thực hiện nhiều lần trộm sắt cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Phạm Văn Q cùng với Lê Thanh B đến công trình đang thi công của Công ty T tại khu Công nghệ Cao Đà Nẵng trộm cắp tổng cộng 180 kg sắt vụn loại sắt phi 12 có kích thước từ 0,4m đến 1,5m bỏ vào bao tời rồi sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 43H9- 3447 của Q chở đến bán cho anh Nguyễn Triệu V là người thu mua phế liệu với số tiền 900.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết. Sau khi mua xong thì ông V đã bán lại cho ông Bùi Tiến C cũng là người thu mua phế liệu. (Theo kết luận định giá tài sản xác định tài sản có giá trị 1.386.000đ).

Lần thứ hai: Phạm Văn Q cùng với Lê Thanh B đến công trình đang thi công của Công ty T tại khu Công nghệ cao Đà Nẵng trộm 100 kg sắt phi 12 đã uốn thành hình chữ U có mấu hai đầu rồi sau đó bán cho Huỳnh Nguyễn Hoài L là

người mua phế liệu với số tiền 500.000 đồng. (Theo kết luận định giá tài sản xác định tài sản có trị giá là 1.130.700đ).

Lần thứ ba: Phạm Văn Q cùng với Lê Thanh B đến công trình của Công ty T đang thi công tại khu Công nghệ cao Đà Nẵng trộm 80 (Tám mươi) kg sắt phi 12 đã uốn thành hình chữ U có mấu hai đầu rồi sau đó bán cho ông Huỳnh Nguyễn Hoài L được số tiền 400.000 đồng. (Theo kết luận định giá tài sản xác định tài sản có trị giá là 904.700đ).

Riêng Lê Thanh B vào thời gian này một mình B đến công trình của công ty T tại khu Công nghệ cao Đà Nẵng trộm 40 kg sắt phi 12 đã uốn thành hình chữ U có mấu hai đầu rồi đem bán cho Huỳnh Nguyễn Hoài L được 200.000 đồng. Số tiền này B đã tiêu xài hết. (Theo kết luận định giá tài sản xác định giá trị tài sản là 452.300đ).

Ngoài ra, Q còn một mình lấy trộm sắt của Công ty T cụ thể: Vào sáng ngày 09 tháng 01 năm 2018, Phạm Văn Q thấy nhiều cây sắt phi 12 của Công ty T để tại vũng nước trong công trình tại khu Công nghệ cao Đà Nẵng nhưng không có người trông giữ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp sắt bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, Q điện thoại nói cho Huỳnh Nguyễn Hoài L hỏi L có mua sắt phi 12 không để Q đem về bán thì L đồng ý. Sau khi Q và L thỏa thuận xong giá mua, bán sắt là 70.000đ/1 cây thì đến khoảng 21 giờ cùng ngày Q điều khiển xe mô tô biển số 43H9-3447 mang theo kìm bấm màu xanh dài 1m đến công trình của Công ty T bấm trộm 90 cây sắt phi 12 dài 11,7m ra thành 180 cây sắt mỗi cây dài 5,85m. Sau khi bấm sắt xong Q đem giấu 80 cây sắt gần đó rồi đi đến nhà L mượn chiếc xe bò kéo của L để chở về bán cho L. Tuy nhiên, khi bốc sắt lên xe bò thì do sắt nặng nên Q đã điều khiển xe đến nhà anh Phạm T nói dối với anh T là Q có mua ít sắt của công nhân làm công trình nên nhờ T đến phụ giúp Q bốc sắt lên xe bò kéo về bán cho L thì T đồng ý. Sau khi T đến thì cả hai bốc vác 100 cây sắt lên xe bò rồi cùng nhau kéo về bán cho L được 3.700.000đ, số tiền này Q cho T 1.000.000đ. Khi Q mang đến bán thì L thấy sắt đó còn mới và biết sắt đó là do Q trộm cắp được mà có nhưng nghĩ mua sẽ có lợi nên vẫn mua.

Đến tối ngày 13 tháng 01 năm 2018, Q điều khiển xe mô tô 43H9-3447 đến nhà Huỳnh Nguyễn Hoài L kéo xe bò kéo chở 40 cây sắt phi 12 (đã bấm ra thành 80 cây) mà Q trộm của Công ty T vào ngày 9/1/2018 rồi đem cất giấu trước đó về bán cho L. Khi đến nơi cất giấu sắt, Q điện thoại cho anh trai là Phạm T nhờ đến bốc 80 cây sắt chở về bán cho L. Sau đó, cả hai chở sắt đem về nhà L để bán, do đã khuya L đã ngủ không lấy tiền được. Đến trưa ngày hôm sau, Q điện thoại cho L lấy tiền bán sắt nhưng vì do trước đó L đã nghi ngờ sắt này do Q trộm đem bán, sợ bị phát hiện nên L chưa đưa tiền cho Q. Sau đó, cơ quan công an phát hiện và thu

giữ số sắt trên. (Theo kết luận định giá tài sản xác định tài sản có giá trị là 9.159.000đ).

***Tang vật tạm giữ:***

- 180 (một trăm tám mươi) cây sắt phi 12, mỗi cây sắt dài 5,85m, trên mỗi cây có ghi dòng chữ Dana Ý nặng 810 kg;

- 01 (một) xe bò kéo khung bằng gỗ dài 1,7m, rộng 0,65m;

- 77 (bảy mươi bảy) cây sắt phi 12 uốn hình chữ U một đầu có uốn mấu, nặng 220 (Hai trăm hai mươi) kg, trên mỗi cây sắt có ghi dòng chữ Dana Ý;

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KLGĐ ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hòa Vang xác định: 180 kg sắt thành phẩm (sắt vụn phế liệu) có chiều dài trung bình là 1,5m có giá trị 1.386.000đ *(Một triệu ba trăm tám* mươi *sáu ngàn đồng);* 220 kg sắt phi 12 đã uốn thành hình chữ U có mấu hai đầu có giá trị là 2.487.700đ *(Hai triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm đồng);* 90 cây sắt Ø12 (đã cắt thành 180 cây) trên mỗi cây có ghi dòng chữ Dana Ý nặng 810 kg có giá trị là 9.159.000đ *(Chín triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng).*

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKSHHV ngày 30.5.2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Huỳnh Nguyễn Hoài L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 65, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 65, điểm b, i, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thanh B từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điều 65, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Huỳnh Nguyễn Hoài L từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B liên đới bồi thường cho Công ty cổ phần T số tiền 13.032.700 đồng, cụ thể Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 10.869.700 đồng, B có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.163.000 đồng.

Về xử lý tang vật:

Đối với 01 (một) xe bò kéo khung bằng gỗ dài 1,7m, rộng 0,65m, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho chủ sở hữu là Huỳnh Nguyễn Hoài L.

Đối với 180 (một trăm tám mươi) cây sắt phi 12, mỗi cây sắt dài 5,85m, trên mỗi cây có ghi dòng chữ Dana Ý nặng 810 kg và 77 (bảy mươi bảy) cây sắt phi 12 uốn hình chữ U một đầu có uốn mấu, nặng 220 (Hai trăm hai mươi) kg, trên mỗi cây sắt có ghi dòng chữ Dana Ý, tại phiên tòa hôm nay đại diện Công ty T không yêu cầu nhận lại số sắt này, Q và B không có ý kiến gì nên đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của Công ty cổ phần T. Bị cáo Huỳnh Nguyễn Hoài L thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Q, B và L nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Văn Q, Lê Thanh B và Huỳnh Nguyễn Hoài L tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Bản cáo trạng số 27/CT-VKSHHV ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang,

thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B phạm tội "Trộm cắp tài sản" và truy tố bị cáo Huỳnh Nguyễn Hoài L phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là đúng người, đúng tội và có cơ sở pháp luật.

[3]**Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội do các bị cáo gây ra thì thấy:**

Phạm Văn Q và Lê Thanh B là các thanh niên có sức khỏe lao động nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên đã cùng nhau cấu kết, lén lút trộm cắp tài sản của Công ty cổ phần T đang thi công tại khu Công nghệ Cao thuộc Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng tài sản là sắt thi công công trình. Huỳnh Nguyễn Hoài L dù không hứa hẹn trước nhưng biết rõ số sắt do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn mua để kiếm lời. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

**Xét vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án thì thấy:**

Vào khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 09 tháng 01 năm 2018, Lê Thanh B và Phạm Văn Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty cổ phần T. Các bị cáo đi thả lưới bắt cá phát hiện sắt của công trình đang thi công của Công ty cổ phần T để sơ hở không có người trông giữ thì lén lút trộm tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài chung, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò mà chỉ là đồng phạm giản đơn.

Phạm Văn Q đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 90 cây sắt phi 12 dài 11,7m, trị giá 9.159.000 đồng vào ngày 09/01/2018. Ngoài ra, Q cùng Lê Thanh B 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 180 kg sắt vụn loại sắt phi 12 trị giá 1.386.000 đồng, 100 kg sắt phi 12 trị giá 1.130.700 đồng và 80 kg sắt phi 12 đã uốn thành hình chữ U trị giá 904.700 đồng vào tháng 11/2017, tổng trị giá tài sản Q chiếm đoạt là 12.580.400 đồng. Như vậy hành vi của Phạm Văn Q đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Q thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, lần phạm tội ngày 09/01/2018 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, còn những lần thực hiện hành vi trộm cắp khác chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo Q đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Lê Thanh B cùng Q thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản. Ngoài ra, B còn thực hiện trộm cắp tài sản là 40 kg sắt phi 12, trị giá 452.300 đồng, mỗi lần trộm cắp tài

sản này giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, tuy nhiên tổng giá trị tài sản của các lần B trộm cắp là 3.873.700 đồng, các bị cáo thực hiện nhiều lần trộm cắp, thực hiện một cách liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian và do sắt nặng không thể mang vác số lượng lớn một lần sẽ bị phát hiện nên các bị cáo trộm cắp số lượng sắt đủ để dễ vận chuyển. Như vậy hành vi của Lê Thanh B đã phạm tội "Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, B tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1996, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Huỳnh Nguyễn Hoài L biết rõ số sắt Phạm Văn Q bán cho L 100 cây sắt mỗi cây dài 5,85m trị giá 5.088.600 đồng là do Q phạm tội mà có nhưng vẫn mua để thu lợi bất chính. Hành vi của Huỳnh Nguyễn Hoài L đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Đối với 80 cây sắt dài 5,85m, Q tự chở đến nhà L ngày 13/01/2018, khi Q chở sắt đến nhà, L không biết và L chưa giao tiền cho Q nên lần này không có cơ sở xử lý. Ngoài ra, L còn mua sắt của B và Q 03 lần vào tháng 11/2017, tuy nhiên L không biết số sắt này do Q và B phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý. Bị cáo L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phạm Văn Q, Lê Thanh B và Huỳnh Nguyễn Hoài L có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, giá trị tài sản phạm pháp không cao. Đồng thời, các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội bắt chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng thỏa đáng.

[4] **Về phần dân sự:**

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty cổ phần T yêu cầu các bị cáo Q và B phải bồi thường tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 13.032.700 đồng, xét yêu cầu của đại diện Công ty cổ phần T là phù hợp nên chấp nhận. Buộc các bị cáo Q và B liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần T số tiền 13.032.700

đồng cụ thể: bị cáo Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 10.869.700 đồng, bị cáo B có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.163.000 đồng. Các bị cáo được trừ vào số tiền đã nộp tiền khắc phục hậu quả, cụ thể Q đã nộp 12.580.400 đồng theo biên lai thu số 005821 và B đã nộp 3.873.700 đồng theo biên lai thu số 005817 cùng ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho bị cáo Q số tiền 1.710.700 đồng, bị cáo B số tiền 1.710.700 đồng.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, Q cho ông Phạm T khi nhờ ông T phụ Q bốc sắt, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Q không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền Huỳnh Nguyễn Hoài L mua sắt của Q và B 03 lần vào tháng 11/2017, tại phiên tòa hôm nay L không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] **Về tang vật:**

Đối với 180 cây sắt phi 12, mỗi cây sắt dài 5,85m, trên mỗi cây có ghi dòng chữ Dana Ý nặng 810 kg và 77 cây sắt phi 12 uốn hình chữ U một đầu có uốn mấu, nặng 220 kg, trên mỗi cây sắt có ghi dòng chữ Dana Ý, đại diện Công ty cổ phần T đã yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu gì nên HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) xe bò kéo khung bằng gỗ dài 1,7m, rộng 0,65m là tài sản của Huỳnh Nguyễn Hoài L, khi Q dùng xe này chở sắt do phạm tội mà có thì L không biết nên HĐXX tuyên trả lại xe bò này cho Huỳnh Nguyễn Hoài L.

Đối với kìm bấm và xe mô tô biển số 43H9-3447, theo lời khai của Phạm Văn Q thì sau khi Q sử dụng trong việc trộm cắp tài sản nêu trên thì Q đi làm mộ tại khu vực nghĩa trang xã H, huyện H, TP Đà Nẵng và để xe môtô và kìm bấm tại đây thì bị mất trộm. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không thu hồi được tang vật nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Triệu V là người mua 180kg sắt nêu trên. Tuy nhiên, V không biết số sắt này do Phạm Văn Q, Lê Thanh B trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Bùi Tiến C là người mua lại sắt do Nguyễn Triệu V bán. Tuy nhiên, ông C không biết những tài sản này do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Ông Phạm T là người giúp Phạm Văn Q chở sắt về bán cho Huỳnh Nguyễn Hoài L. Tuy nhiên, T không biết tài sản này do Q phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Ông Phạm T (anh ruột của Phạm Văn Q) là người cho Q mượn xe môtô biển số 43H9-3447 nhưng ông T không biết Q sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không đề cập xử lý. Ông T cũng không có yêu cầu hay khiếu nại gì đối với xe mô tô 43H9-3447 cho Q mượn đã bị mất trộm.

Công ty T khai báo ngoài số lượng sắt của Công ty bị mất trộm đã được cơ quan điều tra tạm giữ thì Công ty còn mất trộm thêm 6.927 kg sắt phi 12 và 1083 kg sắt phi 10 nhưng hiện tại Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản và cũng chưa xác định được đối tượng trộm cắp nên không có cơ sở để giải quyết.

*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố:** Các bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Huỳnh Nguyễn Hoài L phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Phạm Văn Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2018).

Giao bị cáo Phạm Văn Q về Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Thanh B 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2018).

Giao bị cáo Lê Thanh B về Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Huỳnh Nguyễn Hoài L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/7/2018).

Giao bị cáo Huỳnh Nguyễn Hoài L về Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Phạm Văn Q và Lê Thanh B liên đới bồi thường cho Công ty Cổ phần T số tiền 13.032.700 đồng, cụ thể: bị cáo Q có nghĩa vụ bồi thường số tiền 10.869.700 đồng, bị cáo B có nghĩa vụ bồi thường số tiền 2.163.000 đồng. Các bị cáo được trừ vào số tiền đã nộp tiền khắc phục hậu quả, Phạm Văn Q đã nộp 12.580.400 đồng theo biên lai thu số 005821 và Lê Thanh B đã nộp 3.873.700 đồng theo biên lai thu số 005817 cùng ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho bị cáo Q số tiền 1.710.700 đồng, bị cáo B số tiền 1.710.700 đồng.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 180 (một trăm tám mươi) cây sắt phi 12, mỗi cây sắt dài 5,85m, trên mỗi cây có ghi dòng chữ Dana Ý nặng 810 kg và 77 (bảy mươi bảy) cây sắt phi 12 uốn hình chữ U một đầu có uốn mấu, nặng 220 (Hai trăm hai mươi) kg, trên mỗi cây sắt có ghi dòng chữ Dana Ý.

Trả lại cho Huỳnh Nguyễn Hoài L 01 (một) xe bò kéo khung bằng gỗ dài 1,7m, rộng 0,65m.

Tất cả vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2018

**Về án phí :** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q Hội.

- Phạm Văn Q, Lê Thanh B và Huỳnh Nguyễn Hoài L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/7/2018. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi  hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**